

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 01 - 2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyên và bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thụy Ngọc H – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà 220/24/29, đường HHT, phường 5, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Lê Văn T – sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số nhà 56, tổ 20, khu 5, thị trấn TP, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thụy Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15/5/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung với cha mẹ ruột của chị tại địa chỉ số nhà 220/24/29, đường HHT, phường 5, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được 01 thời gian ngắn thì anh T đã bỏ đi, không liên lạc với chị và có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ ngày 15/12/2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân

nhau. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn đối với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Lê Văn T: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Về hôn nhân: Cho chị H được ly hôn với anh T. Về con chung: Đương sự trình bày không có con chung nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh T có nơi cư trú tại thị trấn TP, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị H yêu cầu ly hôn, vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 18/10/2022, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị H xin ly hôn với anh T. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị H là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật số 35 ngày 15-5-2018. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T tự ý bỏ nhà đi, không giữ mối liên hệ, không sống chung và sống không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2022 có cha mẹ, chị gái ruột của anh T và mẹ ruột của chị H cung cấp thông tin thể hiện từ tháng 12/2020 anh T đã bỏ nhà đi và không còn sống chung với chị H cho đến nay. Bản thân anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vẫn không đến Tòa án làm việc, thể hiện anh không mong muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Kết quả thu thập chứng cứ như trên phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ.

Như vậy, có căn cứ xác định chị H, anh T đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Chị H trình bày chị và anh T không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh T về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thụy Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thụy Ngọc H được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về nuôi con chung: Chị H trình bày không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

2. Về án phí: Chị Trần Thụy Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002852 ngày 17-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường 5, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh: Đề ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 35, cấp ngày 15/5/2018);
- Lưu HS – LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Lợi